TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 21/02/2019
V/v: *"Đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Vân

Ông Nguyễn Tất Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2015/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc *"Đòi lại tài sản"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 28/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 688/2018/QĐST-DS ngày 21/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NQK (NKQ), sinh năm 1957.

Địa chỉ: 327 Tall Oak, Irvine, California, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NTT, sinh năm 1984 (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2015).

Địa chỉ: 336/83 (số cũ 346/56A) PVT, phường 11, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà NTLA, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 86 ấp BP, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông NMT1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 662/23 BĐT, phường 12, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần AC.

Địa chỉ: 442 NTMK, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐMT2 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NLTK – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần AC – Chi nhánh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền số 4908/TCQĐ-PC.12)

Ông K ủy quyền cho ông NQV – Nhân viên Ngân hàng.

Địa chỉ liên lạc: 134-136-138 HHG, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2015).

3.3. Bà NTPM, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 32 Avenue De I'Amandolier, 1208 Geneve – Suisse.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2015, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 10/02/2019 nguyên đơn ông NQK và đại diện theo ủy quyền ông NTT trình bày:

Ông NQK là Việt Kiều sinh sống tại Mỹ từ năm 1990. Sau quá trình sinh sống ở nước ngoài ông K có nguyện vọng hồi hương về Việt Nam làm ăn định cư lâu dài, nên từ năm 2009 ông cùng gia đình nhiều lần về Việt Nam chuẩn bị thủ tục hồi hương. Biết được ý định, ông NMT1 (là em họ ông K) đã gợi ý và giới thiệu bà NTLA cho ông K để hướng dẫn ông K chuẩn bị các bước đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

Theo phương án của bà LA và ông T đưa ra là ông K gửi tiền về Việt Nam cho bà LA và ông T. Bà A, ông T nhận tiền và tự tìm đất để mua làm nông trại, chăn nuôi. Bà A, ông T sẽ đứng tên trên các lô đất này và phải trả lại khi ông K yêu cầu.

Từ năm 2010 đến năm 2014, ông K nhiều lần gửi tiền cho ông T, bà A với tổng số tiền 39.975.000.000đ để nhận chuyển nhượng nhiều lô đất có tổng diện tích là 134.501m^2 tại huyện VC. Việc gửi tiền của ông K thể hiện qua các giao dịch gồm: Ngân hàng Bank of America ngày 22/6/2010 số tiền 50.000USD; Ngân hàng UBS ngày 27/6/2010 số tiền 45.000USD; Ngân hàng ACB thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/01/2011 số tiền 60.000USD; Ngân hàng ACB phòng giao dịch Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 26/8/2011 đến ngày 29/7/2014 tổng số tiền 250.500USD và 356.800EUR; Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tân Định từ ngày 12/4/2013 đến ngày 28/7/2017 số tiền 25.000USD.

Đầu năm 2014 ông K yêu cầu bà A, ông T cung cấp giấy tờ về đất và việc nhận chuyển nhượng đất để làm thủ tục chuyển giao quyền sử dụng cho ông K, thì

bà A, ông T chỉ cung cấp một số bản photo hợp đồng chuyển nhượng đất mà không giao bản chính. Đồng thời, lúc này ông K mới biết các lô đất bà A mua bằng nguồn tiền của ông K, thì bà A đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần AC – Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BD9CN.01190713 ngày 22/7/2013.

Ông K nhiều lần yêu cầu bà A, ông T làm rõ việc nhận tiền, mua đất giùm ông K, nhưng cả hai không hợp tác. Đến ngày 07/01/2014 bà A ký các giấy thỏa thuận thể hiện việc nhận tiền của ông K để mua từng lô đất. Ngày 10/8/2014 bà A lập cam kết xác nhận việc nhận của ông K tổng số tiền 39.975.000.000đ để mua đất với tổng diện tích 134.501m^2. Ngày 09/10/2014 bà A lập bảng kê toàn bộ số đất đã mua từ tiền của ông K. Nhưng sau đó bà A không thực hiện việc sang tên, giao đất cho ông K theo thỏa thuận ban đầu và tiền đã nhận bà A cũng không trả lại ông K. Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà NTLA có trách nhiệm trả lại số tiền 39.975.000.000đ theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà NTLA đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NMT1 trình bày trong biên bản ngày 12/4/2016:

Ông và bà NTLA là bạn bè làm ăn buôn bán, nhưng từ năm 2012 đến 2014 hai người chung sống với nhau và có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm Anh, sinh năm 2011. Hiện tại ông và bà A không còn chung sống với nhau và ông không liên hệ được với bà A. Ông xác định ông K và bà A có quan hệ mua bán và vay nợ với nhau, nhưng không liên quan đến ông. Ông được bà A nói lại là Giấy cam kết lập ngày 10/8/2014 giữa bà A với ông K là lập khống để ông K tạo lòng tin với đối tác kinh doanh. Ông không liên quan gì đến số tiền ông K khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng Thương mại cổ phần AC do đại diện theo ủy quyền ông NQV trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần AC chi nhánh Đồng Nai có ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng cho bà NTLA số DNA.CN.01110713 ngày 12/07/2013; Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DNA.CN.0110713-01 ngày 12/07/2013; Phụ lục hợp đồng tín dụng số DNA.CN.01110713-01/PL 01 ngày 22/07/2013; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số DNA.CN.01200214 ngày 21/02/2014. Hạn mức cho vay là 41.950.000.000đồng.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà LA qua các khế ước số 162821779 ngày 12/07/2013, số tiền 13.400.000.000đồng; khế ước số 163294679 ngày 22/07/2013, số tiền: 600.000.000đồng; khế ước số 174465329 ngày 21/02/2014, số tiền: 3.900.000.000đ; khế ước số 183507859 ngày 14/07/2014, số tiền: 4.000.000.000đồng.

Đảm bảo cho các khoản vay trên, bà LA đã thế chấp các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 376, tờ bản đồ số 8, ấp Tân Triều, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 360, tờ bản đồ số 6, ấp Vĩnh Hiệp, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA. Đăng ký thế chấp ngày 21/02/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 289 tờ bản đồ số 23, ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 306 tờ bản đồ số 23, ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA. Đã đăng ký thế chấp ngày 21/02/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) Tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 413 tờ bản đồ số 21, ấp 5, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA. Đăng ký thế chấp ngày 21/02/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) Tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 7, Tờ bản đồ số 21, ấp 4, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 468, tờ bản đồ số 21, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 465, tờ bản đồ số 21, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA. Đã đăng ký thế chấp ngày 12/07/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 665,736, tờ bản đồ số 13, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà TTNC. Đã đăng ký thế chấp ngày 12/07/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 165, Tờ bản đồ số 7, ấp Bình Lục, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, ấp 5, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA. Đã đăng ký thế chấp ngày 12/07/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 180, 267, 268, 269, 617, 587 tờ bản đồ số 6, xã TB, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA. Đã đăng ký thế chấp ngày 22/07/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh VC.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại Thửa đất số 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18 tờ bản đồ số 13, ấp 1, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 384, tờ bản đồ số 3, ấp 2, xã Bình Lợi,

huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 149, tờ bản đồ số 16, ấp 1, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA; thửa đất số 363, tờ bản đồ số 21, ấp 5, xã Bình Lợi, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đứng tên bà NTLA.

Ngày 30/12/2017 Ngân hàng có văn bản số 1084 trong đó xác định: Đến ngày 28/10/2016 khách hàng mới nộp tiền thanh lý toàn bộ khoản vay tại ACB - Chi nhánh Đồng Nai (bút lục 462).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTPM trình bày*:

Ông NQK là Việt Kiều sinh sống tại Mỹ từ năm 1990. Sau quá trình sinh sống ở nước ngoài thì ông K có nguyện vọng hồi hương về Việt Nam làm ăn định cư lâu dài. Từ năm 2009 ông K cùng gia đình nhiều lần về Việt Nam chuẩn bị thủ tục hồi hương kinh phí hoạt động kinh doanh. Từ năm năm 2010 đến năm 2014, lúc ông K bận việc, thì bà thay ông K đi chuyển tiền cho ông T để ông T rút đưa lại cho bà A đi mua đất. Toàn bộ số tiền bà gửi cho ông T đều là tiền của ông K không phải của bà. Do bà đang ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng Thẩm phán xác định đúng và đầy đủ.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của ông T, Ngân hàng TMCP AC và bà Mai thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Riêng bà LA và ông T không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ bản cam kết ngày 10/8/2004 được ký kết giữa ông K và bà LA thể hiện, bà LA đã nhận của ông K số tiền 39.975.000.000đ để mua đất với tổng diện tích 134,501m^2, bà LA đứng tên giấy chứng nhận, ông K về Việt Nam thì bà LA có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục sở hữu cho ông K (BL 24). Tại bản giám định số 295/KLGĐ ngày 06/7/2017 (B290) kết luận chữ ký và chữ viết mang tên NTLA tại bản cam kết ngày 10/8/2014 và chữ ký, chữ viết tại các mẫu so sánh (bút lục 264 đến 273 và 280 đến 285) do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, đủ căn cứ xác định bà LA có nhận của ông K số tiền 39.975.000.000đ, nhưng không thực hiện cam kết theo thỏa thuận mà cố tình trốn tránh, nên ông K khởi kiện đòi số tiền này là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc bà LA trả ông K 39.975.000.000đ. Bà LA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nhiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Tố tụng: Bị đơn bà NTLA, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NMT1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần AC chi nhánh Đồng Nai đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; bà NTPM có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (BL 303), căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung: Ông NQK khởi kiện yêu cầu bà NTLA hoàn trả số tiền 39.975.000.000đ. Chứng cứ ông K cung cấp là Bản cam kết lập ngày 10/8/2014 có chữ ký chữ viết của bà LA (BL 24). Theo nội dung Bản cam kết ngày 10/8/2014 thể hiện, bà LA đã nhận của ông K số tiền 39.975.000.000đ để mua đất với tổng diện tích 134.501m^2, bà LA đứng tên giấy chứng nhận, ông K về Việt Nam thì bà LA có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục sở hữu cho ông K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà LA nhiều lần, đồng thời ban hành nhiều Thông báo tố tụng yêu cầu bà LA giải trình và cung cấp chứng cứ phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện, nhưng bà LA không có ý kiến. Điều này chứng tỏ bà LA cố tình trốn tránh trách nhiệm và tự tước bỏ quyền lợi của mình tại Tòa án. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thu thập chứng cứ là Hợp đồng thế chấp số DNA.BĐCN.01190713 ngày 22/7/2013 ký giữa Bà NTLA với Ngân hàng TMCP AC- Chi nhánh Đồng Nai được lưu giữ tại Văn phòng công chứng Hoàng Long để làm mẫu so sánh giám định chữ viết, chữ ký trong Bản cam kết ngày 10/8/2004. Tại bản giám định số 295/KLGĐ ngày 06/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên NTLA tại bản cam kết ngày 10/8/2014 và chữ ký, chữ viết tại các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, đủ căn cứ xác định bà LA có nhận của ông K số tiền 39.975.000.000đ, nhưng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà NTLA trả cho nguyên đơn ông NQK (Nguyen Khai Quang) số tiền 39.975.000.000đ (Ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà NTLA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 147.975.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 163, 164, 174, 256 của Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NQK (NLQ).

Buộc bà NTLA trả cho ông NQK (NLQ) số tiền 39.975.000.000đ (Ba mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà NTLA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 147.975.000đ.

Hoàn trả ông NQK tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 73.987.500đ theo biên lai thu số 004876 ngày 15/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông NQK (NLQ) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà NTLA, ông NMT1, Ngân hàng thương mại cổ phần AC- Chi nhánh Đồng Nai có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Bà NTPM có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Vân **Nguyễn Tất Đạt** **Vũ Thị Thu**

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu